

Số: 4148/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 22 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Giấy phép quy hoạch số 07/GPQH ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho dự án Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi, tại xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3780/TTr-SXD ngày 16/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất với các nội dung như sau:

1. Vị trí, quy mô lập quy hoạch

a) Vị trí: Khu vực quy hoạch thuộc xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (được xác định tại Trích lục và đo chính lý thửa đất bản đồ địa chính số 3526/2017, tỷ lệ 1/1.000 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh thực hiện ngày 18/5/2017). Ranh giới và phạm vi nghiên cứu được giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp đất nông nghiệp.
- Phía Nam : Giáp đất nông nghiệp.
- Phía Đông : Giáp đất nông nghiệp.
- Phía Tây : Giáp đất nông nghiệp.

b) Quy mô: 136.270m² (bao gồm hai khu đất: Khu A diện tích 134.086m² và khu B diện tích 2.184m²).

2. Tính chất

Là dự án đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình Tôn giáo như:



Tượng đài Đức Mẹ, nhà nguyện Thánh thể, Đền Thánh, khu nhà đa dụng, nhà Múc vự, nhà điều hành, nhà đón tiếp, nhà y tế, nhà khách, nhà Vọng Cảnh, nhà Phục sinh.

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Căn cứ Giấy phép quy hoạch số 07/GPQH ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho dự án Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi, tại xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:

a) Mật độ xây dựng gộp toàn khu:

- Tỷ lệ đất xây dựng công trình : $\leq 20\%$.
- Tỷ lệ cây xanh, sân đường nội bộ : $\geq 65\%$.
- Tỷ lệ đất giao thông, bãi đậu xe : $\geq 10\%$.

b) Tầng cao và chiều cao xây dựng:

- Tượng đài Đức Mẹ : 04 tầng + Tượng đài Đức Mẹ ($\leq 50\text{m}$);
- Nhà nguyện Thánh thể : 02 tầng ($\leq 24,3\text{m}$);
- Đền Thánh (hình cầu) : 01 tầng ($\leq 26,25\text{m}$);
- Khu Nhà đa dụng (hình vòng cung) : 03 tầng ($\leq 50,75\text{m}$);
- Nhà Múc vự (hình chữ V) : 03 tầng ($\leq 15,35\text{m}$);
- Nhà điều hành (hình thánh giá) : 03 tầng ($\leq 20,9\text{m}$);
- Nhà Đón tiếp : 04 tầng ($\leq 18\text{m}$);
- Nhà y tế : 02 tầng ($\leq 8,5\text{m}$);
- Nhà khách : 01 tầng ($\leq 5,85\text{m}$);
- Nhà Vọng Cảnh : 01 tầng ($\leq 8,35\text{m}$);
- Nhà phục sinh : 04 tầng ($\leq 11,1\text{m}$).

4. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

a) Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	KÝ HIỆU	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
KHU A			134.086	98,40
I		ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHU A	24.660	
	1	Tượng Đài Đức Mẹ	3.400	
	2	Nhà nguyện Thánh Thể & Bể nước ngầm	1.700	
	3	Đền Thánh	4.500	
	4	Khu nhà Đa dụng	7.200	
	5	Nhà Múc vự	3.600	
	6	Nhà điều hành	1.800	
	7	Nhà Đón tiếp	1.400	
	9	Nhà khách	400	
	10	Nhà Vọng Cảnh	500	
	11	Nhà phục sinh	160	

STT	KỶ HIỆU	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
II		ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU A	1.260	
	1	Trạm xử lý nước thải và trung chuyển chất thải rắn.	1.000	
	2	Trạm bơm và bể chứa nước sạch ở chân núi (Chỉ dùng bể lắp ráp inox, không xây dựng công trình kiên cố)	260	
III		ĐẤT CÂY XANH, SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU A	89.102	
IV		ĐẤT GIAO THÔNG, BÃI XE KHU A	19.008	
KHU B			2.184	1,60
I		ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHU B	900	
	8	Nhà y tế	900	
II		ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU B	56	
		Trạm biến áp & máy phát điện dự phòng hiện hữu (theo Giấy phép xây dựng số 976/GPXD - UBND ngày 22/4/2016 của huyện Thống Nhất)	56	
III		ĐẤT CÂY XANH, SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU B	1.228	
TỔNG CỘNG TOÀN KHU (A+B)			136.270	100,00
	1	Đất xây dựng công trình	26.876	19,72
	2	Đất cây xanh, sân đường nội bộ	90.386	66,33
	3	Đất giao thông, bãi đậu xe	19.008	13,95

b) Phân khu chức năng:

Các khu chức năng chủ yếu trong đồ án:

- Tượng đài Đức Mẹ:

- + Diện tích 3.400 m², chiếm tỷ lệ 2,50% diện tích toàn khu.
- + Tầng cao, chiều cao: 04 tầng + Tượng đài Đức Mẹ, ≤ 50m.
- + Vị trí: Được bố trí về phía Tây Bắc của khu A và là nơi có địa hình cao nhất toàn khu.

- Nhà nguyện Thánh Thể:

- + Diện tích: 1.700 m², chiếm tỷ lệ 1,25% diện tích toàn khu.
- + Tầng cao, chiều cao: 02 tầng, ≤ 24,3m.
- + Vị trí: Được bố trí về phía Nam của khu A.

- Đền Thánh (hình cầu):

- + Diện tích: 4.500 m², chiếm tỷ lệ 3,30% diện tích toàn khu.
- + Tầng cao, chiều cao: 01 tầng, ≤ 26,25m.
- + Vị trí: Được bố trí về phía Đông của khu A.

- Khu Nhà đa dụng (hình vòng cung):

- + Diện tích: 7.200 m², chiếm tỷ lệ 5,28% diện tích toàn khu.

+ Tầng cao, chiều cao: 03 tầng, $\leq 50,75\text{m}$.

+ Vị trí: Được bố trí về phía Đông của khu A.

- Nhà Mục vụ (hình chữ V):

+ Diện tích: 3.600 m^2 , chiếm tỷ lệ 2,64% diện tích toàn khu.

+ Tầng cao, chiều cao: 03 tầng, $\leq 15,35\text{m}$.

+ Vị trí: Được bố trí về phía Đông Bắc của khu A.

- Nhà Điều hành (hình thánh giá):

+ Diện tích: 1.800 m^2 , chiếm tỷ lệ 1,32% diện tích toàn khu.

+ Tầng cao, chiều cao: 03 tầng, $\leq 20,9\text{m}$.

+ Vị trí: Được bố trí về phía Tây Nam của khu A.

- Nhà Đón tiếp:

+ Diện tích: 1.400 m^2 , chiếm tỷ lệ 1,03% diện tích toàn khu.

+ Tầng cao, chiều cao: 04 tầng, $\leq 18\text{m}$.

+ Vị trí: Được bố trí về phía Tây Nam của khu A.

- Nhà y tế:

+ Diện tích: 900 m^2 , chiếm tỷ lệ 0,66% diện tích toàn khu.

+ Tầng cao, chiều cao: 02 tầng, $\leq 8,5\text{m}$.

+ Vị trí: Nằm ở khu B của khu vực quy hoạch.

- Nhà khách:

+ Diện tích: 400 m^2 , chiếm tỷ lệ 0,29% diện tích toàn khu.

+ Tầng cao, chiều cao: 01 tầng, $\leq 5,85\text{m}$.

+ Vị trí: Được bố trí về phía Tây Nam của khu A.

- Nhà Vọng Cảnh:

+ Diện tích: 500 m^2 , chiếm tỷ lệ 0,37% diện tích toàn khu.

+ Tầng cao, chiều cao: 01 tầng, $\leq 8,35\text{m}$.

+ Vị trí: Được bố trí về phía Tây Bắc của khu A.

- Nhà phục sinh:

+ Diện tích: 160 m^2 , chiếm tỷ lệ 0,12% diện tích toàn khu.

+ Tầng cao, chiều cao: 04 tầng, $\leq 11,1\text{m}$.

+ Vị trí: Được bố trí về phía Tây Bắc của khu A.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) Hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Dự án được kết nối với tuyến đường Quốc lộ 20 bằng tuyến đường D1 với lộ giới quy hoạch 13m (0,5m - 12m - 0,5m).

+ Tuyến đường D2 đường một chiều nối từ chân đồi lên đỉnh đồi Núi

Cúi, có lộ giới 10m (1m - 08m - 1m).

- *Giao thông đối nội:*

Được tổ chức hoàn chỉnh và linh hoạt nhằm giải quyết nhu cầu lưu thông giữa các khu vực dễ dàng và thuận tiện kết nối với bên ngoài. Hệ thống giao thông đối nội trong khu quy hoạch được tổ chức gồm các tuyến đường:

+ Tuyến đường N1 (đoạn từ ranh dự án đến bãi xe P2), mặt cắt 1A - 1A có lộ giới 16m (3m - 10m - 3m);

+ Tuyến đường N1 (đoạn từ bãi xe P2 đến bãi xe P1), mặt cắt 1 - 1 có lộ giới 10m (1m - 08m - 1m);

+ Tuyến đường B1 (đoạn từ ranh dự án đến Tượng đài Đức Mẹ), mặt cắt 1 - 1 có lộ giới 10m (1m - 8m - 1m);

+ Tuyến đường N2, N3, B2, B3, mặt cắt 2 - 2 có lộ giới 10m (2m - 6m - 2m);

- Trong khu vực quy hoạch định hướng 7 bãi đậu xe chính, bao gồm:

+ Bãi xe P1 với diện tích 764 m² được bố trí cuối đường N1, đoạn tiếp giáp với đường đất hiện hữu nối lên đường B1 trên núi, bãi xe này chủ yếu phục vụ phương tiện xe máy và xe con nhằm tạo điều kiện cho khách hành hương đi bộ trực tiếp lên núi.

+ Các bãi xe P2, P3, P4, P5 với tổng diện tích 5.027 m² được bố trí gần đoạn đường N1 (nối lên núi). Đây là những bãi xe chính trong khu vực, có thể tiếp nhận nhiều loại xe của người dân và du khách đến hành hương.

+ Các bãi xe P6, P7 có tổng diện tích 1.658 m² được bố trí trên khu vực đường dẫn lên Tượng Đức Mẹ. 02 bãi xe này có nhiệm vụ đảm bảo vận chuyển hành khách lên núi trong trường hợp lượng du khách đông và xe điện không đủ để phục vụ trên núi.

b) San nền và thoát nước mưa:

- San nền:

+ Khu vực quy hoạch có cao độ tương đối cao so với mực nước hồ Trị An nên việc thoát nước mưa rất thuận lợi; việc san nền nhằm giữ lại tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi tại chỗ khi xây dựng công trình. Một số tuyến đường xây dựng mới cần tôn thêm nền để đảm bảo thoát nước mặt, khu xây dựng mới: tôn nền triệt để, kè các bờ suối và hồ trong khu vực quy hoạch để chống sạt lở, đối với nương hờ bên chân núi cần được gia cố bằng đá hộc để chống sạt lở phía núi.

+ Hướng đồ dốc: từ phía Bắc xuống phía Nam, độ dốc nền thiết kế:

* Khu xây dựng công trình: $\geq 0,4\%$;

* Khu công viên cây xanh: $\geq 0,3\%$.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Xây dựng mới các tuyến nương thoát nước mưa để đảm bảo thoát

nước mưa triệt để cho khu vực, tránh ngập úng cục bộ;

+ Hướng thoát:

* Thoát về phía Tây Nam theo mương thoát nước tập trung về miệng xả rồi thoát ra suối hiện hữu;

* Thoát về phía Bắc theo mương thoát nước tập trung về miệng xả rồi đầu nối với mương thoát nước trên đường N2 và dẫn về suối hiện hữu;

* Thoát về phía Đông Bắc theo mương thoát nước tập trung về miệng xả rồi thoát ra suối hiện hữu.

Tất cả suối hiện hữu dẫn nước ra hồ Trị An.

+ Sử dụng chủ yếu hệ thống mương xây đập nắp đan, cống ngầm kết hợp với mương hình thang đặt phía chân núi để tổ chức thoát nước mưa; Qua địa hình phức tạp có độ dốc lớn, mương thoát nước được thiết kế với giếng chuyển bậc để giảm vận tốc mương đạt vận tốc tối đa cho phép để tránh hư hại mương; Cải tạo, nạo vét thường xuyên hệ thống suối hiện trạng để đảm bảo thoát nước mưa cho khu quy hoạch; Cống băng đường được sử dụng cống chịu lực để đảm bảo độ an toàn cho cống khi có xe cơ giới đi qua.

c) Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước: Được cấp từ hệ thống cấp nước 5 xã Kiệm Tân và khu đô thị Dầu Giây.

- Nhu cầu: Tổng nhu cầu dùng nước $358 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Mạng lưới cấp nước:

+ Hệ thống cấp nước của khu được xây dựng trên hè đường, đường ống cấp nước được xây dựng ngầm và độ sâu chôn ống tối thiểu từ mặt đất đến đỉnh ống khoảng $0,7\text{m}$ và cách móng công trình $1,5\text{m}$.

+ Do dự án có địa hình phức tạp, để đảm bảo an toàn và liên tục cho việc cấp nước thì nước sạch từ nguồn cấp sẽ được đưa vào khu bể chứa và trạm bơm tăng áp và bể chứa nước $360\text{m}^3/\text{ngày}$. Sau đó, nước từ bể chứa này sẽ được cung cấp đến các khu vực sử dụng thông qua đường ống cấp nước dọc theo các tuyến đường giao thông.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy:

+ Lưu lượng cấp nước chữa cháy $q=15 \text{ l/s}$ cho 1 đám cháy (dự kiến có 01 đám cháy, dự trữ nước chữa cháy trong 01 giờ theo TCVN 2622 - 1995).

+ Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch bố trí 10 trụ cứu hỏa dọc theo mạng đường ống cấp nước chính, tại các vị trí thuận lợi cách nhau từ $100\text{m} - 150\text{m}$, đảm bảo cho việc lấy nước chữa cháy dễ dàng.

d) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Lượng nước thải tính toán bằng 80% lượng nước cấp. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được tập trung dẫn vào đường thoát chính và chảy về điểm tiếp nhận theo quy hoạch (bể

xử lý nước thải do chủ đầu tư tự đầu tư).

- Tất cả nước thải trong các khu chức năng trước khi thải vào hệ thống thoát nước thải của khu vực phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn theo đúng quy cách, sau đó đưa nước thải về trạm xử lý tập trung của khu quy hoạch. Nước thải sau khi được xử lý tại Trạm xử lý tập trung phải đạt các tiêu chuẩn cho phép ghi trong cột A (QCVN 14-2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa và các mương, suối có trong khu quy hoạch.

- Sử dụng công thoát nước HDPE có đường kính từ 200 mm để vận chuyển nước thải về trạm xử lý.

- Xử lý nước thải:

+ Khu A: Toàn bộ nước thải sẽ được thu gom và vận chuyển về trạm xử lý nước thải tập trung (công suất 300 m³/ngày) ở phía Đông Bắc khu quy hoạch.

+ Khu B: Do lưu lượng nước thải khá nhỏ (chỉ khoảng 3 m³/ngày) nên nước thải sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đúng quy cách sau đó thoát ra mương thoát nước mưa hay tự thấm.

- Rác thải: Chất thải rắn sau khi được đưa về trạm trung chuyển thì được vận chuyển về bãi rác của huyện tại xã Quang Trung, thời gian lưu tại trạm không quá 01 ngày.

e) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn cấp điện cho dự án là nguồn lưới điện quốc gia qua lưới điện 15kV khu vực.

- Tổng nhu cầu dung điện khoảng 1.177 KVA.

- Trạm biến áp phân phối 15 (22)/0,4 kV:

+ Xây dựng mới 01 trạm biến áp phân phối 15 (22)/0,4 kV, 1 máy với công suất 1.250KVA, sử dụng máy biến áp loại đặt trong phòng.

+ Xây dựng một trạm phát điện 220/380V, công suất yêu cầu 1.000KVA để đảm bảo cung cấp điện liên tục.

- Mạng phân phối 22 kV: Dự kiến xây dựng mới nhánh rẽ cáp ngầm phân phối trung áp 22 kV dài khoảng 500m, sử dụng cáp 3 lõi, ruột đồng bọc cách điện XLPE-24 kV và được chôn trong hào kỹ thuật.

- Mạng phân phối hạ áp:

+ Sử dụng cáp ngầm hạ áp ruột đồng bọc cách điện vỏ PVC, chôn trong hào kỹ thuật.

+ Xây dựng mới mạng cáp ngầm hạ áp dài khoảng 2.600m để chiếu sáng đường đi, quảng trường, sân bãi; Xây dựng mới mạng cáp ngầm hạ áp dài khoảng 2.400m cấp điện công trình.

- Hệ thống chiếu sáng cho lối đi, công viên được dùng đèn LED công suất 150W-220V và đèn trang trí công viên công suất 70W-220V và được đi trên trụ

thép tráng kẽm $\Phi 200$. Khoảng cách trung bình giữa hai trụ đèn là 25 m.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành điện để thỏa thuận phương án bố trí, vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

g) Hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn từ trạm điện thoại khu vực hiện có, cải tạo nâng cấp.

- Tổng dung lượng thuê bao toàn khu khoảng 12 số.

- Mạng lưới cáp trong khu vực được nối từ trạm điện thoại khu vực đến các tủ cáp phân phối dùng cáp quang luồn trong ống PVC $\Phi 114$ đi trong hào cáp đặt ngầm trên vỉa hè.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành Bưu chính Viễn thông để thỏa thuận vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

h) Quy hoạch hệ thống cây xanh:

- Hệ thống cây xanh thảm cỏ phải được thiết kế với các loại cây phù hợp điều kiện thổ nhưỡng địa phương, có màu sắc đẹp tạo cảnh quan chung, thân cây có tán rộng tạo bóng mát, ít gãy đổ khi có đông gió, không có gai độc, mùi hương không thu hút côn trùng và ảnh hưởng đến sức khoẻ con người.

- Cây xanh được tổ chức theo 02 loại hình cơ bản:

+ Cây xanh cảnh quan có tác dụng chống sạt lở, bảo vệ bờ, cải tạo vi tiểu khí hậu khu vực.

+ Cây xanh bố trí dọc theo hệ thống đường giao thông nội khu có tác dụng tạo cảnh quan.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Thống Nhất, UBND xã Gia Tân 1, Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. UBND huyện Thống Nhất chỉ đạo việc chuyển các mốc giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, cùng UBND xã Gia Tân 1 quản lý xây dựng theo đúng hồ sơ đã được duyệt.

3. Chủ đầu tư thực hiện việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành, tổ chức lập hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế kỹ thuật trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

4. Khi bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật cần liên hệ với các chuyên ngành: giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, phòng cháy chữa cháy, ... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đấu nối hạ tầng chung tại khu vực.

5. Chủ đầu tư lập dự thảo Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, trình Sở Xây dựng thỏa thuận ký Quyết định ban hành, thời gian ban hành Quy định quản lý xây dựng là 15 ngày kể từ ngày Quyết định phê duyệt quy hoạch được ký.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Thống Nhất, Chủ tịch UBND xã Gia Tân 1, Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (VX, CNN);
- Lưu: VT, KGVX, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh

ÔNG